



PHỤ LỤC I

# **UBND TỈNH SƠN LA** **KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NĂM 2021 VÀ NĂM 2022**

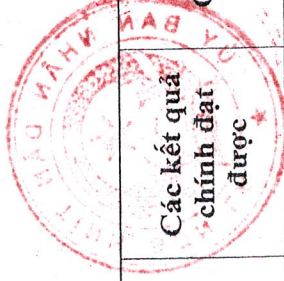
(Ban hành kèm theo Quyết định số 2515/QĐ-UBND ngày 02/12/2022 của UBND tỉnh Sơn La)

Đơn vị: Triệu đồng

| STT      | Tên nhiệm vụ/dự án                                                                                                        | Thời gian thực hiện | Tổng kinh phí | Kinh phí năm 2021 | Kinh phí năm 2022 | Đơn vị thực hiện lưu giữ sản phẩm | Tiến độ giải ngân (%)     | Các kết quả chính đạt được                  | Ghi chú                                               |
|----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|---------------|-------------------|-------------------|-----------------------------------|---------------------------|---------------------------------------------|-------------------------------------------------------|
| <b>A</b> | <b>Nhiệm vụ chuyên môn</b>                                                                                                |                     |               |                   |                   |                                   |                           |                                             |                                                       |
| 1.1      | Đánh giá tình hình phát sinh, quản lý chất thải nhựa và xây dựng kế hoạch quản lý chất thải nhựa trên địa bàn tỉnh Sơn La | 2022-2023           | 1.667         |                   | 1.000             | Sở Tài nguyên và Môi trường       | Đang thực hiện            |                                             |                                                       |
| 1.2      | Xây dựng Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí tỉnh Sơn La                                                     | 2022-2023           | 998           |                   | 998               | Sở Tài nguyên và Môi trường       | Đang thực hiện            |                                             |                                                       |
| 1.3      | Dự án phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn trên địa bàn thành phố Sơn La                                           | 2020-2023           | 490           | 490               |                   | Sở Tài nguyên và Môi trường       | Đã giải ngân, thanh toán  |                                             | Dừng triển khai thực hiện. Không bố trí được kinh phí |
| 1.4      | Xây dựng cơ sở dữ liệu thông tin về môi trường và đa dạng sinh học                                                        | 2020-2022           | 9.098         | 1.226             | 4.000             | Sở Tài nguyên và Môi trường       | Đang triển khai thực hiện |                                             | Phân bổ kinh phí còn lại năm 2023                     |
| 1.5      | Đánh giá thực trạng, đề xuất giải pháp thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt vùng nông thôn                              | 2020-2021           | 1.965         | 1.965             |                   | Sở Tài nguyên và Môi trường       | Đã giải ngân, thanh toán  | Báo cáo nhiệm vụ, đề xuất giải pháp quản lý | Đã hoàn thành                                         |

| STT  | Tên nhiệm vụ dự án                                                                                                                                           | Thời gian thực hiện | Tổng kinh phí | Kinh phí năm 2021 | Kinh phí năm 2022 | Đơn vị thực hiện lưu giữ sản phẩm | Tiến độ giải ngân (%)     | Các kết quả chính đạt được                              | Ghi chú                   |
|------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|---------------|-------------------|-------------------|-----------------------------------|---------------------------|---------------------------------------------------------|---------------------------|
| 1.6  | Đề án nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý nhà nước về Biển đôi khí hậu trên địa bàn tỉnh Sơn La                                                             | 2020-2030           |               | 198               | 100               | Sở Tài nguyên và Môi trường       | Đang triển khai thực hiện |                                                         | Thực hiện hàng năm        |
| 1.7  | Xây dựng trạm quan trắc tự động cho dự án điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng hệ thống cấp thoát nước khu đô thị huyện Mộc Châu tỉnh Sơn La                     | 2021-2022           | 4.992         | 2.000             | 2.992             | Sở Tài nguyên và Môi trường       | Đã giải ngân, thanh toán  | Đầu tư, vận hành 02 Trạm quan trắc NT tự động, liên tục | Đã hoàn thành             |
| 1.8  | Điều tra, đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải của các sông, suối chính trên địa bàn tỉnh Sơn La và lập bản đồ phân vùng tiếp nhận nước thải của nguồn nước | 2020-2022           | 7.569         | 3.998             | 3.571             | Sở Tài nguyên và Môi trường       | Đang triển khai thực hiện |                                                         | Hoàn thành trong năm 2023 |
| 1.9  | Mua sắm lò đốt rác thải y tế bệnh viện đa khoa tỉnh Sơn La                                                                                                   | 2021                |               | 1.500             |                   | Sở Y tế                           | Hoàn thành                |                                                         |                           |
| 1.10 | Hỗ trợ công tác vận hành, bảo dưỡng, bảo trì, sửa chữa, hiệu chuẩn, kiểm định, thay thế thiết bị phục trợ, công cụ, dụng cụ tại 06 Bệnh viện                 | 2021                |               | 900               |                   | Sở Y tế                           | Hoàn thành                |                                                         |                           |
| 1.11 | Quản lý, vận hành khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt thành phố Sơn La                                                                                         | 2021                | 15.757        | 15.757            |                   | Sở Xây dựng                       | Hoàn thành                |                                                         |                           |





| STT  | Nhiệm vụ dự án                                                                                                   | Thời gian thực hiện | Tổng kinh phí | Kinh phí năm 2021 | Kinh phí năm 2022 | Đơn vị thực hiện lưu giữ sản phẩm | Tiến độ giải ngân (%)                                                                | Các kết quả chính đạt được           | Ghi chú |
|------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|---------------|-------------------|-------------------|-----------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------|---------|
| 1.12 | Quản lý, vận hành khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt thành phố Sơn La                                             | 2022                | 15.757        |                   | 15.757            | Sở Tài nguyên và Môi trường       | Đã nghiệm thu, thanh toán được hơn 8000 triệu đồng                                   |                                      |         |
| 1.13 | Vận hành hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Sơn La                                                 | Hàng năm            |               | 8.000             | 15.467            | Ban Quản lý các dự án ODA tỉnh    | Năm 2021 đã hoàn thành.<br>Năm 2022 đang thực hiện ( <i>dự kiến giải ngân 100%</i> ) |                                      |         |
| 1.14 | Kế hoạch tuyên truyền giảm sử dụng túi nilong khó phân hủy và giảm thiểu rác thải nhựa trong kinh doanh xăng dầu | 2021                | 200           | 200               |                   | Sở Công thương                    | Đã hoàn thành                                                                        |                                      |         |
| 1.15 | Hội nghị tập huấn tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường thuộc lĩnh vực công thương      | 2021-2022           | 100           | 50                | 50                | Sở Công thương                    | Đã hoàn thành năm 2021. Năm 2022 đang thực hiện                                      |                                      |         |
| B    | Nhiệm vụ thường xuyên                                                                                            |                     |               |                   |                   |                                   |                                                                                      |                                      |         |
| 2.1  | Quan trắc môi trường hàng năm                                                                                    | Hàng năm            |               | 1.500             | 2.200             | Trung tâm Quan trắc TN&MT         | Đã hoàn thành năm 2021. Năm 2022 đang thực hiện                                      | Báo cáo kết quả quan trắc môi trường |         |
| 2.2  | Tuyên truyền phổ biến, giáo dục pháp luật về BVMT trên địa bàn tỉnh (cấp tỉnh)                                   | Hàng năm            |               | 300               | 500               | Sở TNMT                           | Đang triển khai thực hiện năm 2022                                                   |                                      |         |

| STT |                                                                                                                                                                                                                    | Thời gian thực hiện | Tổng kinh phí | Kinh phí năm 2021 | Kinh phí năm 2022 | Đơn vị thực hiện lưu giữ sản phẩm | Tiến độ giải ngân (%)              | Các kết quả chính đạt được                           | Ghi chú |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|---------------|-------------------|-------------------|-----------------------------------|------------------------------------|------------------------------------------------------|---------|
| 2.3 | Triển khai thu thập, tổng hợp đánh giá bộ chỉ số đánh giá kết quả bảo vệ môi trường hàng năm                                                                                                                       | Hàng năm            |               | 35                | 50                | Sở TNMT                           | Đang triển khai thực hiện năm 2022 | Kết quả đánh giá bộ chỉ số kết quả bảo vệ môi trường |         |
| 2.4 | Thực hiện kiểm tra, phòng ngừa, khắc phục sự cố môi trường, ô nhiễm môi trường                                                                                                                                     | Hàng năm            |               | 300               | 300               | Sở TNMT                           | Đang triển khai thực hiện năm 2022 |                                                      |         |
| 2.5 | Hỗ trợ công tác thanh tra, kiểm tra về bảo vệ môi trường, công tác vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải, kiểm tra xác nhận công trình BVMT các dự án được phê duyệt DTM, kiểm soát ô nhiễm, hậu kiểm DTM | Hàng năm            |               | 500               | 600               | Sở TNMT                           | Đang triển khai thực hiện năm 2022 |                                                      |         |
| 2.6 | Hỗ trợ công tác thanh tra, kiểm tra về bảo vệ môi trường (quan trắc phân tích môi trường)                                                                                                                          | Hàng năm            |               | 311               | 500               | Trung tâm Quan trắc TN&MT         | Đang triển khai thực hiện năm 2022 |                                                      |         |
| 2.7 | Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020                                                                                                         | Hàng năm            |               |                   | 100               | Sở TNMT                           | Đang triển khai thực hiện năm 2022 |                                                      |         |

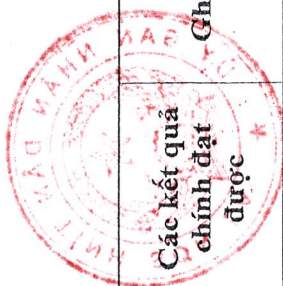


| STT  | Tên nhiệm vụ dự án                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Thời gian thực hiện | Tổng kinh phí | Kinh phí năm 2021 | Kinh phí năm 2022 | Đơn vị thực hiện lưu giữ sản phẩm | Tiến độ giải ngân (%)                                                                        | Các kết quả chính đạt được | Ghi chú                                                      |
|------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|---------------|-------------------|-------------------|-----------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|--------------------------------------------------------------|
| 2.8  | Hỗ trợ công tác kiểm tra, hướng dẫn, đánh giá các xã đạt chuẩn nông thôn mới và nâng thôn mới nâng cao                                                                                                                                                                                                                                                  | Hàng năm            |               |                   | 150               | Sở TNMT                           | Đang triển khai thực hiện năm 2022                                                           |                            |                                                              |
| 2.9  | Giám sát môi trường Khu công nghiệp; Tuyên truyền nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường                                                                                                                                                                                                                                                               | 2021                | 100           | 100               |                   | Ban Quản lý các KCN tỉnh          | Hoàn thành                                                                                   |                            |                                                              |
| 2.10 | Tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật và truyền thông về bảo vệ môi trường; Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật bảo vệ môi trường; Hỗ trợ các trang thiết bị, phương tiện về môi trường để thu gom, xử lý rác thải; Kinh phí thực hiện nhiệm vụ công ích đô thị; duy trì bảo dưỡng hệ thống thoát nước đô thị; thực hiện Chỉ thị 25/TTg-CP | 2021-2022           | 14.172        | 7.079             | 7.093             | UBND huyện Phù Yên                | Đã hoàn thành tiến độ, thanh quyết toán năm 2021. Đang tổ chức triển khai thực hiện năm 2022 |                            | UBND huyện bố trí 910 triệu từ nguồn chi khác của UBND huyện |

| STT  |                                                                                                                                                                                                                                                       | Thời gian thực hiện | Tổng kinh phí | Kinh phí năm 2021 | Kinh phí năm 2022 | Đơn vị thực hiện lưu giữ sản phẩm | Tiền độ giải ngân (%)                                                                        | Các kết quả chính đạt được | Chú chú                                                       |
|------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|---------------|-------------------|-------------------|-----------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|---------------------------------------------------------------|
| 2.11 | Hỗ trợ trang thiết bị, phương tiện thu gom rác thải sinh hoạt, vệ sinh môi trường ở các trường học, khu dân cư, nơi công cộng theo chỉ thị 25; duy trì hệ thống thoát nước, thu gom vận chuyển rác, chăm sóc duy trì cây xanh; duy trì bảo vệ môi trường nước đô thị; Tuyên truyền phổ biến pháp luật về môi trường; Thanh tra, kiểm tra | 2021-2022           | 8.762         | 4.477             | 4.285             | UBND huyện Sốp Cộp                | Đã hoàn thành tiến độ, thanh quyết toán năm 2021. Đang tổ chức triển khai thực hiện năm 2022 |                            |                                                               |
| 2.12 | Hỗ trợ xã hội hóa công tác thu gom rác thải sinh hoạt; Tuyên truyền, tập huấn phổ biến pháp luật về bảo vệ môi trường, hướng ứng các ngày lễ lớn; Hỗ trợ các hoạt động về bảo vệ môi trường; Dịch vụ công ích; Lập Báo cáo quan trắc môi trường huyện                                                                                    | 2021-2022           | 14.154        | 7.561             | 6.593             | UBND huyện Mai Sơn                | Đã hoàn thành tiến độ, thanh quyết toán năm 2021. Đang tổ chức triển khai thực hiện năm 2022 |                            | UBND huyện bổ trí thêm kinh phí nguồn chi khác của UBND huyện |

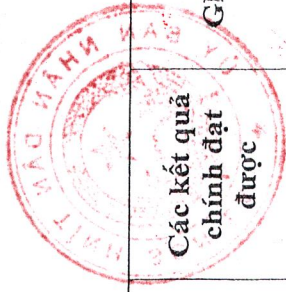


| STT  | Tên nhiệm vụ dự án                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Thời gian thực hiện | Tổng kinh phí | Kinh phí năm 2021 | Kinh phí năm 2022 | Đơn vị thực hiện lưu giữ sản phẩm | Tiến độ giải ngân (%)                                                                        | Các kết quả chính đạt được | Ghi chú                                                                                                                             |
|------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|---------------|-------------------|-------------------|-----------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 2.13 | Hỗ trợ thu gom, xử lý rác thải tại các xã, phường; Dịch vụ công ích đô thị (Duy trì, sửa chữa, thay mới hệ thống điện chiếu sáng đô thị, quản lý công viên cây xanh...); nhiệm vụ sự nghiệp môi trường (thu gom vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt, vệ sinh công cộng đô thị); Duy trì bảo dưỡng hệ thống thoát nước đô thị | 2021-2022           | 116.155       | 51.806            | 64.349            | UBND thành phố Sơn La             | Đã hoàn thành tiến độ, thanh quyết toán năm 2021. Đang tổ chức triển khai thực hiện năm 2022 |                            | UBND thành phố bố trí 8543 triệu từ nguồn thu giá vệ sinh môi trường, giá dịch vụ thoát nước và ngân sách UBND thành phố tự cân đối |
| 2.14 | Hỗ trợ thu gom, xử lý rác thải tại các xã trên địa bàn huyện; Hỗ trợ công tác bảo vệ môi trường; Tuyên truyền phổ biến pháp luật về Bảo vệ môi trường, đất đai, khoáng sản; Dịch vụ công ích đô thị (vệ sinh môi trường, quản lý bãi rác, quản lý nghĩa trang,...)                                                          | 2021-2026           | 15.203        | 7.142             | 8.061             | UBND huyện Thuận Châu             | Đã hoàn thành tiến độ, thanh quyết toán năm 2021. Đang tổ chức triển khai thực hiện năm 2022 |                            | UBND huyện bố trí thêm kinh phí từ nguồn chi khác của UBND huyện                                                                    |



| STT  |  Đặc nhiệm vụ/đơn                                                                                                                                                                                                    | Thời gian thực hiện | Tổng kinh phí | Kinh phí năm 2021 | Kinh phí năm 2022 | Đơn vị thực hiện lưu giữ sản phẩm | Tiến độ giải ngân (%)                                                                        | Các kết quả chính đạt được | Ghi chú                                                          |
|------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|---------------|-------------------|-------------------|-----------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|------------------------------------------------------------------|
| 2.15 | Hỗ trợ trang thiết bị, phương tiện thu gom rác thải sinh hoạt, vệ sinh môi trường ở các trường học, khu dân cư, nơi công cộng theo Chỉ thị 25; Hỗ trợ công tác bảo vệ môi trường; Duy trì hệ thống thoát nước, thu gom vận chuyển rác, chăm sóc duy trì cây xanh; Duy trì bảo vệ môi trường nước đô thị | 2021-2027           | 13.623        | 6.817             | 6.806             | UBND huyện Quỳnh Nhai             | Đã hoàn thành tiến độ, thanh quyết toán năm 2021. Đang tổ chức triển khai thực hiện năm 2022 |                            |                                                                  |
| 2.16 | Kinh phí thực hiện nhiệm vụ công ích (duy trì và bảo dưỡng hệ thống thoát nước đô thị; thu gom xử lý rác thải,...). Quan trắc môi trường huyện                                                                                                                                                          | 2021-2022           | 10.794        | 4.469             | 6.325             | UBND huyện Yên Châu               | Đã hoàn thành tiến độ, thanh quyết toán năm 2021. Đang tổ chức triển khai thực hiện năm 2022 |                            | UBND huyện bổ trí thêm kinh phí từ nguồn chi khác của UBND huyện |





| STT  | Tên nhiệm vụ/dự án                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Thời gian thực hiện | Tổng kinh phí | Kinh phí năm 2021 | Kinh phí năm 2022 | Đơn vị thực hiện lưu giữ sản phẩm | Tiến độ giải ngân (%)                                                                        | Các kết quả chính đạt được | Ghi chú                                                          |
|------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|---------------|-------------------|-------------------|-----------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|------------------------------------------------------------------|
| 2.17 | Thực hiện các dịch vụ công ích trên đô thị địa bàn huyện (vệ sinh môi trường, chiếu sáng đô thị, hệ thống cây xanh đô thị, quản lý nghĩa trang, thoát nước đô thị) và dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước lĩnh vực xây dựng trên địa bàn huyện; Thí điểm mô hình phân loại rác tại nguồn trên địa bàn huyện Mộc Châu; Kinh phí thực hiện Chỉ thị 25/CT-TTg; Hỗ trợ xây dựng nhà vệ sinh, mua sắm thùng rác,... | 2021-2022           | 50.911        | 22.548            | 28.363            | UBND huyện Mộc Châu               | Đã hoàn thành tiến độ, thanh quyết toán năm 2021. Đang tổ chức triển khai thực hiện năm 2022 |                            | UBND huyện bố trí thêm kinh phí từ nguồn chi khác của UBND huyện |
| 2.18 | Kinh phí thu gom rác thải; Kinh phí duy trì và bảo dưỡng hệ thống thoát nước đô thị; Chi thực hiện nhiệm vụ công ích                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 2021-2022           | 9.395         | 4.690             | 4.705             | UBND huyện Vân Hồ                 | Đã hoàn thành tiến độ, thanh quyết toán năm 2021. Đang tổ chức triển khai thực hiện năm 2022 |                            | UBND huyện bố trí thêm kinh phí từ nguồn chi khác của UBND huyện |

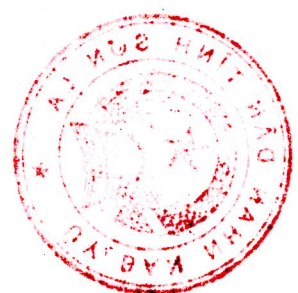
Handwritten signature

| STT  | Tên nhiệm vụ/đơn án                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Thời gian thực hiện | Tổng kinh phí | Kinh phí năm 2021 | Kinh phí năm 2022 | Đơn vị thực hiện lưu giữ sản phẩm | Tiến độ giải ngân (%)                                                                        | Các kết quả chính đạt được | Ghi chú                                                        |
|------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|---------------|-------------------|-------------------|-----------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|----------------------------------------------------------------|
| 2.19 | Kinh phí Bảo vệ môi trường, quan trắc môi trường; Tuyên truyền phổ biến pháp luật về bảo vệ môi trường; Kinh phí duy trì và bảo dưỡng hệ thống thoát nước; Kinh phí thu gom xử lý rác thải, cây xây, chiếu sáng đồ thu; Hỗ trợ trang thiết bị thu gom rác thải sinh hoạt, vệ môi trường khu vực nông thôn, trường học bán trú. | 2021-2022           | 11.254        | 5.843             | 5.411             | UBND huyện Sông Mã                | Đã hoàn thành tiến độ, thanh quyết toán năm 2021. Đang tổ chức triển khai thực hiện năm 2022 |                            | UBND huyện bố trí 3.189 triệu từ nguồn chi khác của UBND huyện |
| 2.20 | Kinh phí Bảo vệ môi trường; Tuyên truyền phổ biến pháp luật; Kinh phí duy trì và bảo dưỡng hệ thống thoát nước; Kinh phí thu gom xử lý rác thải, cây xây, chiếu sáng, thoát nước đô thị; Kinh phí thực hiện Chỉ thị số 25/CT-TTg; Hỗ trợ xây dựng bể thuốc BVTV                                                                | 2021-2022           | 12.208        | 6.209             | 5.999             | UBND huyện Mường La               | Đã hoàn thành tiến độ, thanh quyết toán năm 2021. Đang tổ chức triển khai thực hiện năm 2022 |                            |                                                                |





| STT  | Tên nhiệm vụ dự án                                                                                                                                                          | Thời gian thực hiện | Tổng kinh phí | Kinh phí năm 2021 | Kinh phí năm 2022 | Đơn vị thực hiện lưu giữ sản phẩm | Tiến độ giải ngân (%)                                                                        | Các kết quả chính đạt được | Ghi chú |
|------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|---------------|-------------------|-------------------|-----------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|---------|
| 2.21 | Thực hiện nhiệm vụ công ích theo Quyết định số 20/QĐ-UBND của UBND tỉnh Sơn La; Duy trì và bảo dưỡng hệ thống thoát nước đô thị; Thu gom rác thải theo Chỉ thị số 25/CT-TTg | 2021-2022           | 9.513         | 4.426             | 5.087             | UBND huyện Bắc Yên                | Đã hoàn thành tiến độ, thanh quyết toán năm 2021. Đang tổ chức triển khai thực hiện năm 2022 |                            |         |







## PHỤ LỤC II

## TỔNG HỢP CÁC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NĂM 2023, GIAI ĐOẠN 2023-2025

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2515/QĐ-UBND ngày 02/12/2022 của UBND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

| TT | Tên nhiệm vụ/dự án                                                 | Cơ sở pháp lý                                                     | Mục tiêu, nội dung thực hiện                                                                                     | Dự kiến sản phẩm                                         | Cơ quan thực hiện | Thời gian thực hiện | Tổng kinh phí | Lũy kế đến hết 2022 | Kinh phí năm 2023 | Kinh phí dự kiến 2024 | Kinh phí dự kiến 2025 | Ghi chú                     |
|----|--------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|-------------------|---------------------|---------------|---------------------|-------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------------|
| A  | Nhiệm vụ chuyên môn                                                |                                                                   |                                                                                                                  |                                                          |                   |                     |               |                     |                   |                       |                       |                             |
| I  | Nhiệm vụ chuyển tiếp                                               |                                                                   |                                                                                                                  |                                                          |                   |                     |               |                     |                   |                       |                       |                             |
| 1  | Xây dựng cơ sở dữ liệu thông tin về môi trường và đa dạng sinh học | Mục 1.5 phần thứ 2 của Công văn số 2696/BTNMT-KHTC ngày 20/6/2019 | Điều tra bổ sung các cơ sở dữ liệu; Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu, thông tin về môi trường và đa dạng sinh học | Hệ thống cơ sở dữ liệu về môi trường và đa dạng sinh học | Sở TN&MT          | 2020-2022           | 9.689         | 5.206               | 4.483             |                       |                       | Thanh toán kinh phí còn lại |

| TT |  | Cơ sở pháp lý                                                                                                                                                                                                   | Mục tiêu, nội dung thực hiện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Dự kiến sản phẩm                                                            | Cơ quan thực hiện | Thời gian thực hiện | Tổng kinh phí | Lũy kế đến hết 2022 | Kinh phí năm 2023 | Kinh phí dự kiến 2024 | Kinh phí dự kiến 2025 | Ghi chú |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|-------------------|---------------------|---------------|---------------------|-------------------|-----------------------|-----------------------|---------|
| 2  | Xây dựng Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí tỉnh Sơn La               | Luật Bảo vệ môi trường 2020. Quyết định số 985a/QĐ-TTg ngày 01/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ. Chỉ thị số 03/CT-TTg ngày 18/01/2021. Công văn số 3051/BTNMT-TCMT ngày 07/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường | Đánh giá hiện trạng và diễn biến, công tác quản lý chất lượng môi trường không khí; Xác định mục tiêu quản lý chất lượng môi trường không khí; Xác định, phân tích chi phí - hiệu quả, đề xuất các giải pháp quản lý chất lượng môi trường không khí được ưu tiên thực hiện. - Đề xuất các nội dung và lộ trình thực hiện; Tham vấn dự thảo Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí; Hoàn thiện dự thảo Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí | Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí tỉnh Sơn La được phê duyệt | Số TN&MT          | 2022-2023           | 998           | 1.000               |                   |                       |                       |         |





| TT | Nhiệm vụ/danh sách                                                                                                        | Cơ sở pháp lý                                                                                                                                                                                    | Mục tiêu, nội dung thực hiện                                                                                                                                         | Dự kiến sản phẩm                                                                | Cơ quan thực hiện         | Thời gian thực hiện | Tổng kinh phí | Lũy kế đến hết 2022 | Kinh phí năm 2023 | Kinh phí dự kiến 2024 | Kinh phí dự kiến 2025 | Ghi chú |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------------------|---------------|---------------------|-------------------|-----------------------|-----------------------|---------|
| 3  | Đánh giá tình hình phát sinh, quản lý chất thải nhựa và xây dựng kế hoạch quản lý chất thải nhựa trên địa bàn tỉnh Sơn La | -Điểm d khoản 2 Điều 4 Thông tư 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017;<br>- Quyết định số 1316/QĐ-TTg ngày 22/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ;<br>- Kế hoạch số 197/KH-UBND ngày 30/8/2021 của UBND tỉnh | Khảo sát, đánh giá thực trạng phát sinh và hiện trạng công tác quản lý chất thải nhựa trên địa bàn tỉnh. Từ đó đề xuất xây dựng các Kế hoạch quản lý chất thải nhựa. | Báo cáo được duyệt và các bản đồ, phiếu điều tra, báo cáo chuyên đề... kèm theo | Sở TN&MT                  | 2022-2023           | 1.667         | 1.000               | 667               |                       |                       |         |
| II | Nhiệm vụ mở mới                                                                                                           |                                                                                                                                                                                                  |                                                                                                                                                                      |                                                                                 |                           |                     | 3.500         | 0                   | 2.500             | 1.000                 | 0                     |         |
| 1  | Lập Báo cáo chuyên đề về hiện trạng môi trường theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường                             | - Điểm b, Khoản 2, Điều 120 Luật Bảo vệ môi trường 2020<br>- Điểm a, khoản 9, Điều 152, Nghị định 08/2022                                                                                        | Báo cáo chuyên đề về hiện trạng môi trường (theo Chủ đề của Bộ Tài nguyên và Môi trường)                                                                             | Báo cáo được phê duyệt                                                          | Trung tâm Quan trắc TN&MT | 2023                | 1.000         |                     | 1.000             |                       |                       |         |



| TT |  | Cơ sở pháp lý                                                                                                                                            | Mục tiêu, nội dung thực hiện                                                                                                                                                                                                                                         | Dự kiến sản phẩm                              | Cơ quan thực hiện | Thời gian thực hiện | Tổng kinh phí | Lũy kế đến hết 2022 | Kinh phí năm 2023 | Kinh phí dự kiến 2024 | Kinh phí dự kiến 2025 | Ghi chú |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------|-------------------|---------------------|---------------|---------------------|-------------------|-----------------------|-----------------------|---------|
| 2  | Điều tra, thống kê, đánh giá nguy cơ sự cố môi trường trên địa bàn tỉnh Sơn La      | Điểm a, Điểm b Khoản 2 Điều 122, Luật Bảo vệ môi trường 2020; Kế hoạch số 213/KH-UBND ngày 31/8/2022 của UBND tỉnh Sơn La                                | Báo cáo điều tra, thống kê, đánh giá nguy cơ sự cố môi trường trên địa bàn tỉnh (có các loại bản đồ kèm theo); Cập nhật cơ sở dữ liệu vào cơ sở dữ liệu môi trường cấp tỉnh và công khai thông tin về các nguồn có nguy cơ gây ra sự cố môi trường trên địa bàn tỉnh | Báo cáo được phê duyệt và các bản đồ kèm theo | Sở TN&MT          | 2023-2024           | 1.500         |                     | 1.000             | 500                   |                       |         |
| 3  | Điều tra, đánh giá, phân loại chất lượng môi trường đất trên địa bàn tỉnh Sơn La    | - Khoản 3, Điều 19, Luật Bảo vệ môi trường 2020; Điều 14 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ - Khoản 2, Điều 152, Nghị định số 08/2022 | Báo cáo kết quả điều tra, khảo sát đánh giá mức độ ô nhiễm                                                                                                                                                                                                           | Báo cáo được phê duyệt                        | Sở TN&MT          | 2023-2024           | 1.000         |                     | 500               | 500                   |                       |         |



| TT | Tên nhiệm vụ dự án                                                                               | Cơ sở pháp lý                                                                                                            | Mục tiêu, nội dung thực hiện                                                                                    | Dự kiến sản phẩm                                                                                | Cơ quan thực hiện | Thời gian thực hiện | Tổng kinh phí | Lũy kế đến hết 2022 | Kinh phí năm 2023 | Kinh phí dự kiến 2024 | Kinh phí dự kiến 2025 | Ghi chú                      |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|---------------------|---------------|---------------------|-------------------|-----------------------|-----------------------|------------------------------|
| B  | Nhiệm vụ thường xuyên                                                                            |                                                                                                                          |                                                                                                                 |                                                                                                 |                   |                     | 63.260        | 0                   | 21.620            | 20.820                | 20.820                |                              |
| 1  | Quản lý, vận hành Khu xử lý chất thải rắn thành phố Sơn La                                       | - Điểm b khoản 1 Điều 152 Nghị định 08/2022.<br>- Khoản 3, Điều 59, Nghị định 08/2022.                                   | Hỗ trợ duy trì hoạt động xử lý rác thải sinh hoạt của Nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt thành phố Sơn La         | -                                                                                               | Sở TN&MT          | 2023-2025           | 47.271        |                     | 15.757            | 15.757                | 15.757                |                              |
| 2  | Giám sát, kiểm tra, nghiệm thu việc quản lý vận hành Khu xử lý chất thải rắn thành phố Sơn La    | Điểm b khoản 1 Điều 152 Nghị định 08/2022                                                                                | Giám sát, kiểm tra nghiệm thu hoạt động xử lý rác thải sinh hoạt của Nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt thành phố | -                                                                                               | Sở TN&MT          | 2023-2025           | 390           |                     | 130               | 130                   | 130                   |                              |
| 3  | Đề án nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý nhà nước về Biển đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Sơn La | Quyết định 672/QĐ-BTNMT ngày 31/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; Quyết định 2064/QĐ-UBND ngày 27/7/2017 | Tăng cường, nâng cao năng lực cho cán bộ chuyên trách về BĐKH                                                   | Triển khai thực hiện đề án được duyệt tại Quyết định số 624/QĐ-UBND ngày 6/4/2021 của UBND tỉnh | Sở TN&MT          | 2020-2030           | 300           |                     | 100               | 100                   | 100                   | Tạm tính giai đoạn 2023-2025 |



| TT |                                                                                                         | Cơ sở pháp lý                                                                                                                                                           | Mục tiêu, nội dung thực hiện                                                                             | Dự kiến sản phẩm                            | Cơ quan thực hiện              | Thời gian thực hiện | Tổng kinh phí | Lũy kế đến hết 2022 | Kinh phí năm 2023 | Kinh phí dự kiến 2024 | Kinh phí dự kiến 2025 | Ghi chú |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|--------------------------------|---------------------|---------------|---------------------|-------------------|-----------------------|-----------------------|---------|
| 4  | Hỗ trợ vận hành hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục Nhà máy xử lý nước thải thành phố Sơn La | Điểm i, k khoản 2 Điều 4 Thông tư 02/2017/TT-BTC ngày 06/1/2017                                                                                                         | Duy trì hoạt động hệ thống quan trắc nước thải tự động liên tục Nhà máy xử lý nước thải thành phố Sơn La | -                                           | Ban Quản lý các dự án ODA tỉnh | 2023-2025           | 1.300         |                     | 500               | 400                   | 400                   |         |
| 5  | Quan trắc môi trường tỉnh Sơn La hàng năm                                                               | - Điều 109 Luật BVMT. Chương trình quan trắc môi trường giai đoạn 2023-2025 được phê duyệt tại QĐ 1802/QĐ-UBND ngày 31/8/2022.- Quyết định 06/2021/QĐ-UBND quy định giá | Đánh giá chất lượng môi trường tỉnh                                                                      | BC quan trắc môi trường tỉnh được phê duyệt | Sở TN&MT                       | 2023-2025           | 7.485         |                     | 2.495             | 2.495                 | 2.495                 |         |



| TT | Tên nhiệm vụ/đơn vị                                                                                                                                        | Cơ sở pháp lý                                                                                                                                                           | Mục tiêu, nội dung thực hiện                                                                                                                                                                                              | Dự kiến sản phẩm                                                                                                      | Cơ quan thực hiện        | Thời gian thực hiện | Tổng kinh phí | Lũy kế đến hết 2022 | Kinh phí năm 2023 | Kinh phí dự kiến 2024 | Kinh phí dự kiến 2025 | Ghi chú |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|---------------------|---------------|---------------------|-------------------|-----------------------|-----------------------|---------|
| 6  | Kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường của các doanh nghiệp trong khu công nghiệp Mai Sơn                                        | - Khoản 4, Điều 152, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.<br>- Điểm m khoản 2 Điều 4 Thông tư 02/2017/TT-BTC ngày 06/1/2017                                                      | Kiểm tra, đánh giá tình hình chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường; kịp thời phát hiện các nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, đề ra giải pháp chủ động phòng ngừa, ngăn chặn và giảm thiểu nguy cơ gây ô nhiễm môi trường | Kết luận, đánh giá công tác bảo vệ môi trường theo quy định của các doanh nghiệp đang hoạt động trong Khu công nghiệp | Ban Quản lý các KCN tỉnh | 2023-2025           | 24            |                     | 8                 | 8                     | 8                     |         |
| 7  | Hỗ trợ công tác kiểm tra, giám sát việc vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải, kiểm tra cấp Giấy phép môi trường các dự án được phê duyệt ĐTM | - Khoản 10, Điều 31, Nghị định 08/2022/NĐ-CP.<br>- Điểm g, Khoản 4, Điều 152, Nghị định 08/2022/NĐ-CP<br>- Điểm n khoản 2 Điều 4 Thông tư 02/2017/TT-BTC ngày 06/1/2017 | Kiểm tra việc cấp giấy phép môi trường, vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải theo quy định Luật Bảo vệ môi trường năm 2020                                                                                      | Các cơ sở thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm (phân tích đối kết quả chất thải)                                       | Sở TN&MT                 | 2023-2025           | 450           |                     | 150               | 150                   | 150                   |         |

| TT |                                                                                                                                                                                                                                            | Cơ sở pháp lý                                                                                                                                           | Mục tiêu, nội dung thực hiện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Dự kiến sản phẩm                                                                 | Cơ quan thực hiện         | Thời gian thực hiện | Tổng kinh phí | Lũy kế đến hết 2022 | Kinh phí năm 2023 | Kinh phí dự kiến 2024 | Kinh phí dự kiến 2025 | Ghi chú |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------------------|---------------|---------------------|-------------------|-----------------------|-----------------------|---------|
| 8  | Thanh tra, kiểm tra và giám sát việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân; Kiểm tra việc thực hiện chức năng nhiệm vụ của phòng Tài nguyên và Môi trường các huyện, thành phố. Tiếp nhận xác minh xử lý phản ánh kiến nghị của tổ chức cá nhân và cộng đồng dân cư về bảo vệ môi trường | - Khoản 9, Điều 152 Nghị định 08/2022/NĐ-CP.- Khoản 4, Điều 152, Nghị định 08/2022/NĐ-CP - Điểm m khoản 2 Điều 4 Thông tư 02/2017/TT-BTC ngày 06/1/2017 | Kiểm tra giám sát việc thực hiện các nội dung theo Bảo cáo đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường, các dự án đầu tư lớn, có nguy cơ xảy ra sự cố, ô nhiễm môi trường cao, các cơ sở lắp đặt Hệ thống quan trắc nước thải, khí thải tự động liên tục. Kiểm tra việc thực hiện công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường của phòng TN&MT. Xử lý các kiến nghị phản ánh về BVMT | Kiểm tra, giám sát khoảng 20 tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và một số phòng TN&MT | Sở TN&MT                  | 2023-2025           | 900           |                     | 300               | 300                   | 300                   |         |
| 9  | Hỗ trợ phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra trong lĩnh vực BVMT                                                                                                                                                                                                                                                               | Điểm m khoản 2 Điều 4 Thông tư 27/2017/TT-BTC ngày 06/1/2017                                                                                            | Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường thực hiện lấy mẫu, phân tích mẫu chất thải để phục vụ đánh giá chất lượng môi                                                                                                                                                                                                                                                                    | Kết quả phân tích mẫu chất thải các Đoàn thanh tra, kiểm tra                     | Trung tâm Quan trắc TN&MT | 2023-2025           | 1.500         |                     | 500               | 500                   | 500                   |         |





| TT | Đơn vị thực hiện                                                                                                                     | Cơ sở pháp lý                                                                                                   | Mục tiêu, nội dung thực hiện                                                                                           | Dự kiến sản phẩm                                  | Cơ quan thực hiện | Thời gian thực hiện | Tổng kinh phí | Lũy kế đến hết 2022 | Kinh phí năm 2023 | Kinh phí dự kiến 2024 | Kinh phí dự kiến 2025 | Ghi chú |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|-------------------|---------------------|---------------|---------------------|-------------------|-----------------------|-----------------------|---------|
|    |                                                                                                                                      |                                                                                                                 | trường theo yêu cầu của các đoàn thanh tra, kiểm tra                                                                   | về môi trường                                     |                   |                     |               |                     |                   |                       |                       |         |
| 10 | Thực hiện phòng ngừa, khắc phục các sự cố môi trường, ô nhiễm môi trường trên địa bàn tỉnh Sơn La                                    | Điểm đ, Khoản 9, Điều 152 Nghị định 08/2022/NĐ-CP. Điểm d khoản 2 Điều 4 Thông tư 27/2017/TT-BTC ngày 06/1/2017 | Kiểm tra, xác minh khi xảy ra sự cố môi trường, nguy cơ ô nhiễm môi trường trên địa bàn tỉnh Sơn La                    | Báo cáo kết quả kiểm tra, đề xuất biện pháp xử lý | Sở TN&MT          | 2023-2025           | 600           |                     | 200               | 200                   | 200                   |         |
| 11 | Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ môi trường theo thẩm quyền của UBND tỉnh theo quy định Luật Bảo vệ Môi trường năm 2020 | Điểm a, Khoản 9, Nghị định 09/2022. Công văn số 3557/BTNMT-KHĐT ngày 23/6/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường  | Nghiên cứu, đánh giá thực trạng, xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết Luật Bảo vệ môi trường 2020 | Các Quyết định của UBND được ban hành             | Sở TN&MT          | 2023                | 50            |                     | 50                |                       |                       |         |



| TT | Tên nhiệm vụ/đơn vị                                                 | Cơ sở pháp lý                                                                                                                 | Mục tiêu, nội dung thực hiện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Dự kiến sản phẩm                   | Cơ quan thực hiện        | Thời gian thực hiện | Tổng kinh phí | Lũy kế đến hết 2022 | Kinh phí năm 2023 | Kinh phí dự kiến 2024 | Kinh phí dự kiến 2025 | Ghi chú |
|----|---------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|--------------------------|---------------------|---------------|---------------------|-------------------|-----------------------|-----------------------|---------|
| 12 | Tổ chức phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường Khu Công nghiệp Mai Sơn | Điểm đ, Khoản 9, Điều 152 Nghị định 08/2022/NĐ-CP. Công văn số 3557/BTNMT-KHDT ngày 23/6/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường | Quan trắc môi trường Khu công nghiệp nhằm theo dõi có hệ thống về thành phần môi trường, các yếu tố tác động lên môi trường; đánh giá hiện trạng, diễn biến chất lượng môi trường và các tác động xấu đối với môi trường trong Khu công nghiệp; kiểm soát chất lượng nước thải của hệ thống xử lý nước thải tập trung. Tổng hợp thông tin, số liệu lập báo cáo môi trường Khu công nghiệp theo định kỳ | Báo cáo môi trường Khu công nghiệp | Ban Quản lý các KCN tỉnh | 2023-2025           | 210           |                     | 70                | 70                    | 70                    |         |



39



| TT | Tên nhiệm vụ/đơn vị                                                                                                            | Cơ sở pháp lý                                                                                                                                                                                    | Mục tiêu, nội dung thực hiện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Dự kiến sản phẩm                                       | Cơ quan thực hiện | Thời gian thực hiện | Tổng kinh phí | Lũy kế đến hết 2022 | Kinh phí năm 2023 | Kinh phí dự kiến 2024 | Kinh phí dự kiến 2025 | Ghi chú |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|-------------------|---------------------|---------------|---------------------|-------------------|-----------------------|-----------------------|---------|
| 13 | Hỗ trợ phân loại tại nguồn, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn thành phố Sơn La, huyện Quỳnh Nhai | Khoản 1, Điều 152, Nghị định 08/2022/NĐ-CP. Quyết định 2889/QĐ-UBND ngày 10/12/2020 của UBND tỉnh; Quyết định 1001/QĐ-UBND ngày 06/6/2022 và số 1002/QĐ-UBND ngày 06/6/2022 của UBND tỉnh Sơn La | Đảm bảo đạt chỉ tiêu thu gom, xử lý chất thải rắn theo Quyết định 2889/QĐ-UBND ngày 10/12/2020 của UBND tỉnh; đạt tiêu chí về môi trường theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022, số 319/QĐ-TTg ngày 08/3/2022, số 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ. Tuyên truyền, hỗ trợ cho một số phường trên địa bàn thành phố Sơn La để thực hiện công tác phân loại chất thải tại nguồn (tuyên truyền, hướng dẫn, hỗ trợ dụng cụ, bao bì,...) | Báo cáo đánh giá kết quả triển khai thực hiện hàng năm | Sở TN&MT          | 2023                | 200           |                     | 200               |                       |                       |         |



[illegible]

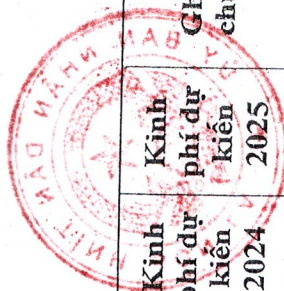
| TT   | Cơ sở pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Mục tiêu, nội dung thực hiện                                                                                                                                                                                     | Dự kiến sản phẩm                                                                             | Cơ quan thực hiện | Thời gian thực hiện | Tổng kinh phí | Lũy kế đến hết 2022 | Kinh phí năm 2023 | Kinh phí dự kiến 2024 | Kinh phí dự kiến 2025 | Ghi chú |
|------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|---------------------|---------------|---------------------|-------------------|-----------------------|-----------------------|---------|
| 16.1 | Phối hợp tuyên truyền pháp luật về Bảo vệ môi trường với Ban Tuyên giáo, Báo Tài nguyên và Môi trường; Báo Sơn La, Đài phát thanh truyền tỉnh, Đài tiếng nói Việt Nam,... tuyên truyền, phổ biến pháp luật BVMT tới cán bộ, doanh nghiệp, người dân;<br>- Điểm a, Khoản 7, Nghị định 08/2022/NĐ-CP.<br>- Điểm 1 khoản 2 Điều 4 Thông tư 02/2017/TT-BTC ngày 06/1/2017 | Phối hợp với Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Báo Tài nguyên và Môi trường, Báo Sơn La, Đài phát thanh truyền tỉnh, Đài tiếng nói Việt Nam,... tuyên truyền, phổ biến pháp luật BVMT tới cán bộ, doanh nghiệp, người dân; | Bài đăng                                                                                     | Sở TN&MT          | 2023-2025           | 900           |                     | 300               | 300                   | 300                   |         |
| 16.2 | Tổ chức các chương trình, hoạt động hưởng ứng ngày Môi trường thế giới 05/6/2023 (theo chủ đề năm 2023) trên địa bàn huyện Mai Sơn<br>- Điểm a, Khoản 7, Nghị định 08/2022/NĐ-CP.<br>- Điểm 1 khoản 2 Điều 4 Thông tư 02/2017/TT-BTC ngày 06/1/2017                                                                                                                   | Các hoạt động hưởng ứng ngày Môi trường thế giới 05/6/2022 để tuyên truyền nâng cao ý thức chấp hành pháp luật về Bảo vệ môi trường                                                                              | Lễ mít tinh, treo băng rôn, khẩu hiệu và các hoạt động kỷ niệm (tùy thuộc tình hình thực tế) | Sở TN&MT          | 2023-2025           | 300           |                     | 100               | 100                   | 100                   |         |
| 16.3 | Tổ chức các chương trình, hoạt động hưởng ứng Chiến dịch làm cho thế giới sạch hơn năm 2023 (theo chủ đề năm                                                                                                                                                                                                                                                          | Các hoạt động hưởng ứng Chiến dịch làm cho thế giới sạch hơn năm 2023 để tuyên truyền nâng cao ý thức chấp hành                                                                                                  | Lễ mít tinh, treo băng rôn, khẩu hiệu và các hoạt động kỷ niệm                               | Sở TN&MT          | 2023-2025           | 300           |                     | 100               | 100                   | 100                   |         |



| TT   | Cơ sở pháp lý                                                                  | Mục tiêu, nội dung thực hiện                                                                                | Dự kiến sản phẩm                                                                                                                                        | Cơ quan thực hiện             | Thời gian thực hiện | Tổng kinh phí | Lũy kế đến hết 2022 | Kinh phí năm 2023 | Kinh phí dự kiến 2024 | Kinh phí dự kiến 2025 | Ghi chú |
|------|--------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|---------------------|---------------|---------------------|-------------------|-----------------------|-----------------------|---------|
|      | 2023) trên địa bàn thành phố Sơn La                                            | BTC ngày 06/1/2017                                                                                          | pháp luật về Bảo vệ môi trường                                                                                                                          | (tùy thuộc tình hình thực tế) |                     |               |                     |                   |                       |                       |         |
| 16.4 | Hướng ứng, triển khai sáng kiến của Thủ tướng Chính phủ về trồng 1 tỷ cây xanh | -Điểm a, Khoản 7, Nghị định 08/2022/NĐ-CP.<br>-Điểm 1 khoản 2 Điều 4 Thông tư 02/2017/TT-BTC ngày 06/1/2017 | Thực hiện trồng cây xanh trên địa bàn tỉnh theo Đề án trồng 01 tỷ cây xanh của Thủ tướng Chính phủ góp phần tăng cường công tác bảo vệ, phát triển rừng | Sở TN&MT                      | 2023-2025           | 240           |                     | 80                | 80                    | 80                    |         |
| 16.5 | Tổ chức Lớp tuyên truyền, phổ biến Luật Bảo vệ môi trường                      | -Điểm a, Khoản 7, Nghị định 08/2022/NĐ-CP.<br>-Điểm 1 khoản 2 Điều 4 Thông tư 02/2017/TT-BTC ngày 06/1/2017 | Tuyên truyền, phổ biến pháp luật về BVMT                                                                                                                | Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh       | 2023                | 300           |                     | 300               |                       |                       |         |



43



| TT   | Tên nhiệm vụ/dự                                                | Cơ sở pháp lý                                                                                                 | Mục tiêu, nội dung thực hiện                                                                                                                                                                 | Dự kiến sản phẩm                                                                                                                              | Cơ quan thực hiện        | Thời gian thực hiện | Tổng kinh phí | Lũy kế đến hết 2022 | Kinh phí năm 2023 | Kinh phí dự kiến 2024 | Kinh phí dự kiến 2025 | Ghi chú |
|------|----------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|---------------------|---------------|---------------------|-------------------|-----------------------|-----------------------|---------|
| 16.6 | Tuyên truyền nâng cao nhận thức công đồng về bảo vệ môi trường | - Điểm a, Khoản 7, Nghị định 08/2022/NĐ-CP.<br>- Điểm 1 khoản 2 Điều 4 Thông tư 02/2017/TT-BTC ngày 06/1/2017 | Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về môi trường cho các doanh nghiệp trong khu công nghiệp. Treo Pano, băng rôn, khẩu hiệu tuyên truyền các ngày lễ lớn tại Khu công nghiệp | Hội nghị tuyên truyền, tài liệu về bảo vệ môi trường trong sản xuất kinh doanh. Pano, áp phích tuyên truyền vào các ngày lễ lớn về môi trường | Ban Quản lý các KCN tỉnh | 2023-2025           | 90            |                     | 30                | 30                    | 30                    |         |
|      | <b>Tổng (A+B)</b>                                              |                                                                                                               |                                                                                                                                                                                              |                                                                                                                                               |                          |                     | <b>79.114</b> | <b>7.206</b>        | <b>29.270</b>     | <b>21.820</b>         | <b>20.820</b>         |         |





**CHI SỰ NGHIỆP MÔI TRƯỜNG CẤP HUYỆN 3 NĂM GIAI ĐOẠN 2023-2025**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 2515/QĐ-UBND ngày 02/12/2022 của UBND tỉnh)



Đơn vị: Triệu đồng

**PHỤ LỤC III**

| TT | Cơ quan thực hiện | Mục tiêu                                                              | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Cơ sở pháp lý                                                            | Dự kiến sản phẩm                                                                                                                                                          | Tổng kinh phí đề xuất | Năm 2023 (triệu đồng) | Năm 2024 (triệu đồng) | Năm 2025 (triệu đồng) | Ghi chú |
|----|-------------------|-----------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|---------|
| 1  | Huyện Mai Sơn     | Tăng cường công tác quản lý nhà nước về BVMT cho cấp huyện và cấp xã. | - Hỗ trợ xã hội hóa công tác thu gom rác thải sinh hoạt tại nông thôn.<br>- Tập huấn, tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về MT; Hội nghị giao ban, hướng dẫn triển khai văn bản lĩnh vực TNMT cho công chức phụ trách tài nguyên môi trường 22 xã, thị trấn.<br>-Hỗ trợ công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý các cơ sở SX, KD của Đoàn liên ngành; Hỗ trợ công tác xử lý môi trường.<br>- Hỗ trợ dịch vụ công ích (thu gom, xử lý rác thải).<br>- Lập Báo cáo quan trắc môi trường huyện. | Thông tư số 02/2017/TT-BTC và Công văn số 3557/BTNMT-KHTC ngày 23/6/2022 | Nâng cao công tác quản lý môi trường trên địa bàn huyện. Hỗ trợ công tác thanh tra, kiểm tra về bảo vệ môi trường; Tăng cường thu gom, xử lý chất thải trên địa bàn huyện | 16.300                | 6.200                 | 5.100                 | 5.000                 |         |

| TT | Cơ quan thực hiện | Mục tiêu                                                              | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Cơ sở pháp lý                                                            | Dự kiến sản phẩm                                                                                                                                                          | Tổng kinh phí đề xuất | Năm 2023 (triệu đồng) | Năm 2024 (triệu đồng) | Năm 2025 (triệu đồng) | Ghi chú |
|----|-------------------|-----------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|---------|
| 2  | Huyện Yên Châu    | Tăng cường công tác quản lý nhà nước về BVMT cho cấp huyện và cấp xã. | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tập huấn, tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về Bảo vệ môi trường;</li> <li>- Hỗ trợ hoạt động thu gom, phân loại, vận chuyển, xử lý và chôn lấp chất thải sinh hoạt tại 02 thị trấn để triển khai thực hiện Đề án thí điểm “Phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn trên địa bàn thị trấn Yên Châu và Trung tâm xã Phiêng Khoai” huyện Yên Châu.</li> <li>- Quan trắc môi trường huyện Yên Châu.</li> <li>- Hỗ trợ hình thành các Tổ thu gom tại khu vực trung tâm các xã, khu dân cư tập trung nông thôn; xây dựng mô hình tổ chức hoạt động thống nhất trên địa bàn huyện.</li> <li>- Quản lý các công trình vệ sinh công cộng; hỗ trợ thiết bị, phương tiện thu gom rác thải, vệ sinh môi trường ở nơi công cộng, khu dân cư.</li> </ul> | Thông tư số 02/2017/TT-BTC và Công văn số 3557/BTNMT-KHHC ngày 23/6/2022 | Nâng cao công tác quản lý môi trường trên địa bàn huyện. Hỗ trợ công tác thanh tra, kiểm tra về bảo vệ môi trường; Tăng cường thu gom, xử lý chất thải trên địa bàn huyện | 12.250                | 4.150                 | 4.100                 | 4.000                 |         |



| TT | Cơ quan thực hiện | Nội dung                                                              | Cơ sở pháp lý                                                            | Dự kiến sản phẩm                                                                                                                                                          | Tổng kinh phí đề xuất | Năm 2023 (triệu đồng) | Năm 2024 (triệu đồng) | Năm 2025 (triệu đồng) | Ghi chú |
|----|-------------------|-----------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|---------|
| 3  | Huyện Quỳnh Nhai  | Tăng cường công tác quản lý nhà nước về BVMT cho cấp huyện và cấp xã. | Thông tư số 02/2017/TT-BTC và Công văn số 3557/BTNMT-KHTC ngày 23/6/2022 | Nâng cao công tác quản lý môi trường trên địa bàn huyện. Hỗ trợ công tác thanh tra, kiểm tra về bảo vệ môi trường; Tăng cường thu gom, xử lý chất thải trên địa bàn huyện | 18.900                | 6.800                 | 6.100                 | 6.000                 |         |
| 4  | Huyện Sốp Cộp     | Tăng cường công tác quản lý nhà nước về BVMT cho cấp huyện và cấp xã. | Thông tư số 02/2017/TT-BTC và Công văn số 3557/BTNMT-KHTC ngày 23/6/2022 | Nâng cao công tác quản lý môi trường trên địa bàn huyện. Hỗ trợ công tác thanh tra, kiểm tra về bảo vệ môi trường; Tăng cường thu gom, xử lý chất thải trên địa bàn huyện | 12.400                | 4.300                 | 4.100                 | 4.000                 |         |

| TT | Cơ quan thực hiện | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Cơ sở pháp lý                                                                   | Dự kiến sản phẩm                                                                                                                                                          | Tổng kinh phí đề xuất | Năm 2023 (triệu đồng) | Năm 2024 (triệu đồng) | Năm 2025 (triệu đồng) | Ghi chú |
|----|-------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|---------|
| 5  | Huyện Sông Mã     | <p>Tăng cường công tác quản lý nhà nước về BVMT cho cấp huyện và cấp xã.</p> <p>- Tập huấn, tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về Bảo vệ môi trường;<br/>- Hỗ trợ công tác bảo vệ môi trường, thanh tra, kiểm tra về môi trường cấp huyện và cấp xã, phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường.<br/>- Hỗ trợ xử lý môi trường khu vực nông thôn; Hỗ trợ công tác thu gom xử lý rác thải sinh hoạt, chất thải trên địa bàn huyện Sông Mã.<br/>- Hỗ trợ phương tiện, thiết bị xử lý nước thải tại chỗ, chất thải.<br/>- Xây dựng bể xử lý nước thải tại 02 làng nghề: Hải Sơn, Hồng Nam.<br/>- Thực hiện Đề án bảo vệ môi trường dòng sông Mã.<br/>- Xây dựng mô hình về BVMT, ứng phó biến đổi khí hậu</p> | <p>Thông tư số 02/2017/TT-BTC và Công văn số 3557/BTNMT-KHTC ngày 23/6/2022</p> | Nâng cao công tác quản lý môi trường trên địa bàn huyện. Hỗ trợ công tác thanh tra, kiểm tra về bảo vệ môi trường; Tăng cường thu gom, xử lý chất thải trên địa bàn huyện | 15.500                | 5.400                 | 5.100                 | 5.000                 |         |
| 6  | Huyện Vân Hồ      | <p>Tăng cường công tác quản lý nhà nước về BVMT cho cấp huyện và cấp xã.</p> <p>- Tập huấn, tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về Bảo vệ môi trường; - Hỗ trợ công tác thực hiện nhiệm vụ công ích, thu gom rác thải trên địa bàn huyện.<br/>- Hỗ trợ công tác bảo vệ môi trường, thanh tra, kiểm tra về môi trường cấp huyện và cấp xã, phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường.<br/>- Hỗ trợ xây dựng mô hình bảo vệ môi trường tại các điểm du lịch cộng đồng.<br/>- Hỗ trợ Kinh phí duy trì và bảo dưỡng hệ thống thoát nước đô thị.</p>                                                                                                                                                            | <p>Thông tư số 02/2017/TT-BTC và Công văn số 3557/BTNMT-KHTC ngày 23/6/2022</p> | Nâng cao công tác quản lý môi trường trên địa bàn huyện. Hỗ trợ công tác thanh tra, kiểm tra về bảo vệ môi trường; Tăng cường thu gom, xử lý                              | 12.800                | 4.700                 | 4.100                 | 4.000                 |         |



| TT | Cơ quan thực hiện                                                                   | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Cơ sở pháp lý                                                            | Dự kiến sản phẩm                                                                                                                                                          | Tổng kinh phí đề xuất | Năm 2023 (triệu đồng) | Năm 2024 (triệu đồng) | Năm 2025 (triệu đồng) | Ghi chú |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|---------|
|    |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                                                                          | chất thải trên địa bàn huyện                                                                                                                                              |                       |                       |                       |                       |         |
| 7  | Huyện Thuận Châu                                                                    | Tăng cường công tác quản lý nhà nước về BVMT cho cấp huyện và cấp xã.<br><br>- Tập huấn, tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về Bảo vệ môi trường;<br>- Hỗ trợ công tác bảo vệ môi trường, thanh tra, kiểm tra về môi trường cấp huyện và cấp xã, phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường.<br>- Hỗ trợ công tác thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn huyện. Hỗ trợ mua sắm thiết bị thu gom rác thải.<br>- Hỗ trợ xử lý điểm gây ô nhiễm môi trường bức xúc ở địa phương.<br>- Quan trắc môi trường cấp huyện. | Thông tư số 02/2017/TT-BTC và Công văn số 3557/BTNMT-KHTC ngày 23/6/2022 | Năng cao công tác quản lý môi trường trên địa bàn huyện. Hỗ trợ công tác thanh tra, kiểm tra về bảo vệ môi trường; Tăng cường thu gom, xử lý chất thải trên địa bàn huyện | 18.600                | 6.500                 | 6.100                 | 6.000                 |         |
| 8  | Huyện Mường La                                                                      | Tăng cường công tác quản lý nhà nước về BVMT cho cấp huyện và cấp xã.<br><br>- Tập huấn, tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về Bảo vệ môi trường;<br>- Hỗ trợ công tác bảo vệ môi trường, thanh tra, kiểm tra về môi trường cấp huyện và cấp xã, phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường, xác nhận Kế hoạch BVMT,...<br>- Hỗ trợ công tác thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn huyện.<br>- Hỗ trợ công tác thu gom xử lý thuốc BVTV.<br>- Duy trì hệ thống thoát nước đô thị.                                 | Thông tư số 02/2017/TT-BTC và Công văn số 3557/BTNMT-KHTC ngày 23/6/2022 | Năng cao công tác quản lý môi trường trên địa bàn huyện. Hỗ trợ công tác thanh tra, kiểm tra về bảo vệ môi trường; Tăng cường thu gom, xử lý chất thải trên địa bàn huyện | 16.100                | 6.000                 | 5.100                 | 5.000                 |         |



| TT | Cử quán thực hiện | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Cơ sở pháp lý                                                                   | Dự kiến sản phẩm                                                                                                                                                                 | Tổng kinh phí đề xuất | Năm 2023 (triệu đồng) | Năm 2024 (triệu đồng) | Năm 2025 (triệu đồng) | Ghi chú |
|----|-------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|---------|
| 9  | Huyện Mộc Châu    | <p>Tăng cường công tác quản lý nhà nước về BVMT cho cấp huyện và cấp xã.</p> <p>- Tập huấn, tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về Bảo vệ môi trường;<br/>- Hỗ trợ công tác bảo vệ môi trường, thanh tra, kiểm tra về môi trường cấp huyện và cấp xã, phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường, xác nhận Kế hoạch BVMT,...<br/>- Hỗ trợ hoạt động thu gom, phân loại, vận chuyển, xử lý và chôn lấp chất thải sinh hoạt tại 02 thị trấn để triển khai thực hiện Đề án thí điểm "Phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn trên địa bàn thị trấn Mộc Châu và thị trấn Nông Trường Mộc Châu" huyện Mộc Châu.<br/>- Hỗ trợ hình thành các Tổ thu gom tại khu vực trung tâm các xã, khu dân cư tập trung nông thôn; xây dựng mô hình tổ chức hoạt động thống nhất trên địa bàn huyện.<br/>- Quản lý các công trình vệ sinh công cộng; hỗ trợ thiết bị, phương tiện thu gom rác thải, vệ sinh môi trường ở nơi công cộng, khu dân cư.<br/>- Quan trắc môi trường huyện Mộc Châu.</p> | <p>Thông tư số 02/2017/TT-BTC và Công văn số 3557/BTNMT-KHHC ngày 23/6/2022</p> | <p>Nâng cao công tác quản lý môi trường trên địa bàn huyện. Hỗ trợ công tác thanh tra, kiểm tra về bảo vệ môi trường; Tăng cường thu gom, xử lý chất thải trên địa bàn huyện</p> | 63.060                | 21.060                | 21.000                | 21.000                |         |



| TT | Cơ quan thực hiện | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Cơ sở pháp lý                                                            | Dự kiến sản phẩm                                                                                                                                                              | Tổng kinh phí đề xuất | Năm 2023 (triệu đồng) | Năm 2024 (triệu đồng) | Năm 2025 (triệu đồng) | Ghi chú |
|----|-------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|---------|
| 10 | Huyện Bắc Yên     | Tăng cường công tác quản lý nhà nước về BVMT cho cấp huyện và cấp xã.<br><br>- Tập huấn, tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về Bảo vệ môi trường;<br>- Hỗ trợ công tác bảo vệ môi trường, thanh tra, kiểm tra về môi trường cấp huyện và cấp xã, phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường,...<br>- Hỗ trợ các trang thiết bị, phương tiện về môi trường để thu gom, xử lý rác thải.<br>- Hỗ trợ kinh phí thực hiện nhiệm vụ công ích đô thị; duy trì bảo dưỡng hệ thống thoát nước đô thị.<br>- Kinh phí thực hiện Chỉ thị 25/TTg-CP                                                                                                                                                                                                                        | Thông tư số 02/2017/TT-BTC và Công văn số 3557/BTNMT-KHTC ngày 23/6/2022 | Nâng cao công tác quản lý môi trường trên địa bàn huyện. Hỗ trợ công tác thanh tra, kiểm tra về bảo vệ môi trường; Tăng cường thu gom, xử lý chất thải trên địa bàn huyện     | 15.200                | 5.100                 | 5.100                 | 5.000                 |         |
| 11 | Thành phố Sơn La  | Tăng cường công tác quản lý nhà nước về BVMT cho cấp huyện và cấp xã.<br><br>- Tập huấn, tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về Bảo vệ môi trường;<br>- Hỗ trợ công tác bảo vệ môi trường, thanh tra, kiểm tra về môi trường cấp huyện và cấp xã, phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường, xác nhận Kế hoạch BVMT,...<br>- Hỗ trợ dịch vụ công ích đô thị ( <i>Duy trì, sửa chữa, thay mới hệ thống điện chiếu sáng đô thị, quản lý công viên cây xanh...</i> ); nhiệm vụ sự nghiệp, môi trường ( <i>thu gom vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt, vệ sinh công cộng đô thị</i> )<br>- Hỗ trợ thu gom, xử lý rác thải tại các xã, phường; Hỗ trợ duy trì bảo dưỡng hệ thống thoát nước đô thị; Xây dựng mô hình phân loại rác thải sinh hoạt tại hộ gia đình. | Thông tư số 02/2017/TT-BTC và Công văn số 3557/BTNMT-KHTC ngày 23/6/2022 | Nâng cao công tác quản lý môi trường trên địa bàn huyện. Hỗ trợ công tác thanh tra, kiểm tra về bảo vệ môi trường; Tăng cường thu gom, xử lý chất thải trên địa bàn thành phố | 178.050               | 60.050                | 59.000                | 59.000                |         |



| TT | Cơ quan thực hiện                         | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Cơ sở pháp lý                                                            | Dự kiến sản phẩm                                                                                                                                                          | Tổng kinh phí đề xuất | Năm 2023 (triệu đồng) | Năm 2024 (triệu đồng) | Năm 2025 (triệu đồng) | Ghi chú |
|----|-------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|---------|
|    |                                           | - Hỗ trợ đầu tư hệ thống xử lý chất thải Cúm công nghiệp Hoàng Văn Thụ (nếu có).                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                                                                          |                                                                                                                                                                           |                       |                       |                       |                       |         |
| 12 | Huyện Phú Yên                             | - Tập huấn, tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về Bảo vệ môi trường;<br>- Hỗ trợ công tác bảo vệ môi trường, thanh tra, kiểm tra về môi trường cấp huyện và cấp xã, phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường,...<br>- Hỗ trợ các trang thiết bị, phương tiện thu gom chất thải rắn trên địa bàn huyện.<br>- Hỗ trợ kinh phí thực hiện nhiệm vụ công ích đô thị; duy trì bảo dưỡng hệ thống thoát nước đô thị; - Kinh phí thực hiện Chỉ thị 25/TTg-CP | Thông tư số 02/2017/TT-BTC và Công văn số 3557/BTNMT-KHHC ngày 23/6/2022 | Nâng cao công tác quản lý môi trường trên địa bàn huyện. Hỗ trợ công tác thanh tra, kiểm tra về bảo vệ môi trường; Tăng cường thu gom, xử lý chất thải trên địa bàn huyện | 18.500                | 6.400                 | 6.100                 | 6.000                 |         |
|    | <b>TỔNG</b>                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                                                                          |                                                                                                                                                                           | <b>397.660</b>        | <b>136.660</b>        | <b>131.000</b>        | <b>130.000</b>        |         |
|    | <b>Tổng kinh phí giao 3 năm cấp huyện</b> |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                                                                          |                                                                                                                                                                           |                       | <b>397.660</b>        |                       |                       |         |



